

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C
THÀNH PHỐ T
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2021/DS-ST
Ngày 20/12/2021
V/v “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vũ Linh**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Bùi Thanh Trí.

2/ Ông Lư Thành Danh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký
Tòa án nhân dân quận C, thành phố T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông
Trần Bảo Quốc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST-DS ngày 13/10/2021 về việc “*Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 254/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Châu Ngọc L**, sinh năm: 1965 – **Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L** (Có mặt).

Địa chỉ: Số 75 ấp P, xã T, huyện A, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông **Trang Văn Đ**, sinh năm: 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 465B khu vực T, phường T, quận C, thành phố T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Như T**, sinh năm: 1975 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 465B khu vực T, phường T, quận C, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện (đề ngày 28/9/2021)) và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Ngọc L – Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L trình bày và yêu cầu: Trước đây bà có bán thức ăn cho ông Trang Văn Đ và bà Nguyễn Thị Như T từ ngày 30/5/2016 đến ngày 03/02/2021 để nuôi cá thác lác, hai bên thỏa thuận sau khi thu hoạch từng đợt thì ông Đ và bà T sẽ thanh toán đầy đủ tiền thức ăn cho bà. Đến ngày 10/7/2017 ông Đ và bà T nợ bà tiền mua thức ăn số tiền là 525.000.000đ (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng). Sau đó đến ngày 15/8/2019 ông Đ, bà T tiếp tục mua đợt thức ăn để nuôi cá thác lác đến ngày 08/02/2021 số tiền mua thức ăn là 2.645.000.000đ (Hai tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng), phía ông Đ trả cho bà được số tiền là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại là 1.895.000.000đ (Một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Tổng số tiền ông Đ và bà T còn nợ từ việc mua thức ăn của bà là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), ông Đ và bà T ký xác nhận công nợ cho bà vào ngày 10/3/2021, đồng thời cam kết sau khi bán được ba ba sẽ thanh toán cho bà số tiền là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi bán được ba ba và cho đến nay ông Đ và bà T không trả cho bà bất cứ khoản nợ nào, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ mua thức ăn còn thiếu là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), và số tiền lãi từ ngày 10/3/2021 đến ngày 28/9/2021 với mức lãi suất là 0,6%/tháng.

* Bị đơn ông Trang Văn Đ trình bày: Ông Đ thừa nhận trước đây ông có mua thức ăn của bà L để đầu tư mua cá thác lác, nhưng do giá bán giảm dẫn đến thua lỗ thời gian dài đến ngày 10/3/2021 khi chốt công nợ thì vợ chồng ông thiếu bà L số tiền là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), và có cam kết sau khi bán ba ba sẽ thanh toán cho bà L số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh và làm ăn tiếp tục thua lỗ nên không trả được nợ cho bà L như cam kết, trước yêu cầu khởi kiện của bà L ông thống nhất trả cho bà L số tiền nợ mua thức ăn còn thiếu là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), không đồng ý trả lãi.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà L – Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L, bị đơn ông Trang Văn Đ vẫn giữ phần trình bày và ý kiến của mình như trên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; thời hạn xét xử đúng quy định; không phát hiện vi phạm.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định; riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do việc mua bán thức ăn giữa các bên đương sự thì hai bên có làm biên nhận đối chiếu công nợ với nhau, theo đó thể hiện cụ thể số tiền bị đơn ông Đ và bà T còn thiếu nguyên đơn đến ngày 10/3/2021 số tiền là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó ông Đ và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là chưa đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đ thừa nhận có thiếu và thống nhất trả số tiền 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng) cho nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đ và bà T có nghĩa vụ trả số tiền này cho nguyên đơn. Ngoài ra, theo nội dung cam kết ngày 10/3/2021 ông Đ cam kết sau khi bán được ba ba sẽ trả cho bà L số tiền là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) nhưng ông Đ và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ cam kết nên còn phải có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán từ ngày vi phạm cụ thể là ngày 11/3/2021 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng là 0,83%/tháng. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0,6%/tháng là hoàn toàn có lợi cho ông Đ và bà T, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Châu Ngọc L – Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L cho rằng trước đây có bán thức ăn cho ông Đ và bà T để nuôi cá thác lác nhiều lần, sau khi đối chiếu

công nợ vào ngày 10/3/2021 thì ông Đ và bà T còn thiếu số tiền là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), sau đó bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ và bà T có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu, nhưng ông Đ và bà T có tình trốn tránh kéo dài thời gian cho đến nay không trả số tiền còn thiếu cho bà. Nay bà Châu Ngọc L – Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hiện còn thiếu và lãi suất. Quan hệ trong vụ án được xác định là “Tranh chấp đòi nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa”, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tư cách nguyên đơn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Châu Thành A, tỉnh H thì bà L đăng ký kinh doanh là Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L do bà L là người chủ hộ làm đại diện, nên theo quy định tại Điều 85 và 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quyền khởi kiện và tư cách nguyên đơn trong vụ án được xác định là bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, đồng thời có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L yêu cầu bị đơn ông Trang Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T trả số tiền còn nợ của việc mua bán thức ăn còn thiếu số tiền là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L cho rằng trước đây có quen biết nên bà có bán thức ăn cho ông Trang Văn Đ và bà Nguyễn Thị Như T từ năm 2016, việc mua bán hai bên diễn ra nhiều lần trong khoảng thời gian dài, đến ngày 10/3/2021 thì số tiền nợ từ việc mua thức ăn của ông Đ và bà T còn thiếu là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình phía nguyên đơn bà L có cung cấp 01 (một) Bản xác nhận công nợ đề ngày 10/3/2021 (bản gốc) (BL

83), theo đó có nội dung ông Đ và bà T còn thiếu nguyên đơn số tiền mua thức ăn là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Xét thấy, việc mua bán hàng hóa là thức ăn giữa hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, dựa trên sự thống nhất thỏa thuận của các bên, việc mua bán diễn ra nhiều lần, sau khi tiến hành đối chiếu công nợ theo Giấy xác nhận công nợ ngày 10/3/2021 thì bên mua là Trang Văn Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Như T xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), có chữ ký xác nhận của ông Đ và bà T.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đ thừa nhận hiện còn thiếu số tiền mua thức ăn của nguyên đơn là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng), ông Đ thừa nhận có làm Giấy xác nhận nợ tiền mua thức ăn cho bà L vào ngày 10/3/2021, chữ ký và chữ viết trong biên nhận này là của ông và vợ là bà T. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T trong các văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến trong vụ kiện cũng thừa nhận hiện còn thiếu số nợ trên của bà L, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”, theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn có cơ sở xác định ông Đ và bà T hiện còn thiếu số tiền mua thức ăn của nguyên đơn số tiền là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng) cho đến nay chưa trả số tiền nợ này. Cho nên việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ việc mua bán trên của ông Đ và bà T là không đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ của bên mua, vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Trang Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong việc mua thức ăn của nguyên đơn, nên buộc ông Đ và bà T có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng) cho nguyên đơn là có cơ sở.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L yêu cầu bị đơn ông Trang Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T có nghĩa vụ trả lãi đối với số nợ gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy xác nhận công nợ ngày 10/3/2021 thì bên mua là Trang Văn Đ còn nợ nguyên đơn số tiền là 2.420.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu

đồng), theo đó ông Đ cam kết sau khi bán ba ba sẽ trả cho bà L số tiền là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đ thừa nhận có nội dung cam kết này và ông đã bán ba ba nhưng do tình hình dịch bệnh và thua lỗ nên cho đến nay chưa trả nợ đúng theo nội dung cam kết. Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy xác nhận công nợ và văn bản cam kết thì hai bên không có thỏa thuận với nhau về lãi suất chậm thanh toán, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*”, theo quy định của pháp luật vừa viện dẫn thì ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn đối với số tiền còn thiếu. Về mức lãi suất do các bên không có thỏa thuận nên mức lãi suất được tính là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, thời gian trả lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày xác nhận công nợ, tức lãi suất được tính từ ngày 11/3/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 09 (chín) tháng (làm tròn), có mặt tại phiên tòa bà L thống nhất chỉ yêu cầu về thời gian tính lãi là 09 (chín) tháng. Trong đơn khởi kiện cũng như có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,6%/tháng, xét ý kiến này của nguyên đơn là hoàn toàn có lợi cho ông Đ và bà T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi được tính là: $(2.420.000.000đ \times 0,6\%/tháng) \times 09 \text{ tháng} = 130.680.000đ$ (Một trăm ba mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L là: $2.420.000.000đ + 130.680.000đ = 2.550.680.000đ$ (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Xét ý kiến của bị đơn ông Đ xin trả dần số nợ theo khả năng và không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn, phía nguyên đơn không đồng ý với ý kiến này của ông Đ, đồng thời xét thấy nội dung này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, không thuộc thẩm quyền xem xét giải quyết của Tòa án nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phía dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trang Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 83.013.600đ (Tám mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.071.000đ (Bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008053 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, Tp.T.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 430, 431, 440 và 468 của Bộ luật năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L.

Buộc bị đơn ông Trang Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L tổng số tiền là 2.550.680.000đ (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc còn thiếu là 2.420.000.000đ và số tiền lãi là 130.680.000đ.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T chưa thi hành thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trang Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 83.013.600đ (Tám mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng).

Nguyên đơn bà Châu Ngọc L - Chủ hộ kinh doanh cá thể Châu Ngọc L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.071.000đ (Bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008053 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, Tp.T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

* Nơi nhận:

- TAND Tp.T;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vũ Linh